

30. XÃ CÁI ĐÔI VÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nguyễn Việt Khái	Đầu cầu Kiểm Lâm cũ	Đầu đường 13/12	2.400
2	Nguyễn Việt Khái	Đầu đường 13/12	Hẻm chợ	2.880
3	Nguyễn Việt Khái	Đầu đường 13/12	Hẻm chợ	2.880
4	Nguyễn Việt Khái	Hẻm chợ	Hẻm nhà May Mỹ	4.320
5	Nguyễn Việt Khái	Hẻm nhà May Mỹ	Đường Cách Mạng Tháng 8	3.240
6	Nguyễn Việt Khái	Đường Cách Mạng Tháng 8	Cầu kênh Làng Cá	2.160
7	Nguyễn Việt Khái	Cầu kênh Làng Cá	Hết ranh hăng nước đá Tấn Đạt	1.800
8	Nguyễn Việt Khái	Hết ranh hăng nước đá Tấn Đạt	Hết đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	1.560
9	Nguyễn Việt Khái	Giáp đất Đồn Biên Phòng Cái Đôi Vàm	Cầu Cơi 5	1.080
10	Nguyễn Việt Khái	cầu Cơi 5	Hạt Kiểm Lâm	1.080
11	Nguyễn Việt Khái	Hạt Kiểm Lâm	hết Ranh Cái Đôi Nhỏ	1.560
12	Hẻm Nhà Lồng Chợ	Ranh đất ông Phạm Văn Hải	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Khá	1.450
13	Hẻm	Hẻm trường Tiểu học Cái Đôi Vàm I (Ranh đất ông Thành)	Giáp tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	480
14	Hẻm	Ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Xê	660
15	Tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm	cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	cách đường Phan Ngọc Hiền 30m	940
16	Lý Văn Lâm	Cách Mạng Tháng Tám	Đường 13/12	900
17	Lý Văn Lâm	Đường 13/12	Bờ Tây Kênh Kiểm Lâm	620
18	Hẻm Khu chữ U	Cách Đường Nguyễn Việt Khái 30m	Cầu Cơi 5	360

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
19	Hẻm vào trường Lê Hồng Phong	Trụ sở Văn hóa khóm 4 (2 bên)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Minh	1.060
20	Cầu Làng Cá - Đồn Biên phòng Cái Đôi vàm	Kênh Làng Cá	Đồn Biên phòng Cái Đôi Vàm (Phía sau)	360
21	Khu tiểu thủ công nghiệp			900
22	Đường Trần Văn Thời	Đầu kênh Bảy Sứ	Đầu Kênh Lô 2	2.160
23	Đầu kênh Bảy Sứ - Cây ăng teng (Đê Tây)	Đầu kênh Bảy Sứ	Cây ăng teng (Đê Tây)	660
24	Cây ăng teng (Đê Tây) - Đầu kênh Lô 2	Cây ăng teng (Đê Tây)	Cầu dự án lô 2	360
25	Hẻm	Lộ hẻm Khóm 5	Cầu Dự án	430
26	Đường Trần Văn Thời	Đầu Kênh Lô 2	Đầu kênh Lô 1	2.160
27	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	400
28	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	400
29	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	400
30	Đường Trần Văn Thời (nối dài)	Đầu Kênh Lô 1	Kênh Mỹ Hưng	400
31	Kênh Lô 1	Cách Đường Trần Văn Thời 30m	Cầu JAPA	720
32	Kênh lô 2	Kênh Tập đoàn 34	Cầu dự án lô 2	430
33	Kênh lô 2	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nửa	420
34	Kênh lô 2	Cầu dự án lô 2	Hết ranh đất ông Ba Nửa	420
35	Cách Mạng Tháng Tám	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	Phan Ngọc Hiển	4.200
36	Phan Ngọc Hiển	Cầu dự án	Cách Mạng Tháng Tám	2.400
37	Phan Ngọc Hiển	Cách Mạng Tháng Tám	Đầu kênh Kiểm Lâm Mới	3.840
38	Phan Ngọc Hiển	Đầu kênh Kiểm Lâm Mới	Kênh Năm Nhung	3.600
39	Phan Ngọc Hiển	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	2.400
40	Phan Ngọc Hiển	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	Đầu cầu kênh 90	2.400
41	Đường Nguyễn Trung Trực	đầu cầu Kiểm Lâm cũ phía Đông 30m	cách đầu cầu Kiểm Lâm mới phía Đông 30m	790

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
42	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Cầu Kiểm Lâm cũ	Kênh Năm Nhung	790
43	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Cầu Kiểm Lâm cũ	Kênh Năm Nhung	790
44	Đường Nguyễn Việt Khái (nối dài)	Kênh Năm Nhung	Đầu Kênh 90	430
45	Đường Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Giáp sông Cái Đôi Vàm	Phan Ngọc Hiển	470
46	Tuyến kênh Kiểm lâm (Phía Tây)	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	Rạch Cái Đôi Nhỏ	660
47	Khu dân cư khóm 2	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	Trụ sở khóm II	710
48	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Dự án (Phía Đông)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	360
49	Khu dân cư khóm 2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Kênh Làng Cá	550
50	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài)	Đường Hồ Thị Kỷ (nối dài)	430
51	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài) (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	620
52	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài) (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	620
53	Khu dân cư khóm 2	Đường Phan Ngọc Hiển (nối dài) (2 bên)	Cầu cống sau Công ty CaDovimex	620
54	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Dự án (Phía Tây)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	310
55	Tuyến lộ dọc kênh Làng cá	Cầu Làng Cá	Cầu Dự án	620
56	Khu dân cư Khóm 3	Cầu Dự án (phía tây)	Kênh Cơi 5	360
57	Đường 1/5	Đầu đường Phan Ngọc Hiển	Hết đất ông Nguyễn Minh Sỹ	790
58	Đường 13/12	Đầu đường Nguyễn Việt Khái	Đầu đường Phan Ngọc Hiển	1.870
59	Hồ Thị Kỷ	Đầu đường 13/12	cách tuyến lộ bờ Tây kênh Kiểm Lâm 30m	1.060
60	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	cách đường Nguyễn Việt Khái 30m	1.060
61	Đường bê tông	Cách đường Lý Văn Lâm 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m (Khóm 1)	2.510
62	Kênh Lô 2 (Chợ cũ)	Cách đường Trần Văn Thời 30m	Kênh Tập Đoàn 34 (Khóm 7)	2.770
63	Đường Phan Ngọc Hiển nối dài	Cầu cơi 5	Nhà bà Trần Thị E (Khóm 4)	4.320

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Đường bê tông	Đầu Cầu Cơi 5 (Huỳnh Thị Tươi)	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m (Khóm 3)	3.170
65	Đường bê tông	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m (bờ Tây)	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m (ấp Cái Đôi Vàm)	2.110
66	Đường bê tông	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m (đường bờ Tây Kênh 90)	Rạch Cái Đôi Nhỏ (ấp Cái Đôi Vàm)	1.850
67	Tuyến Đầu đường 1/5 (khóm 1) đến đầu đường Lý Văn Lâm			600
68	Kênh Lô 1 (phía Tây)	Cầu JAPA	Cầu Nguyễn Thanh Đạm	480
69	Hồ Thị Kỳ	Đầu đường Cách Mạng Tháng Tám	Đầu đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	600
70	Kênh Mỹ Hưng	Đất ông Phan Văn Sang	Đất ông Diệp Văn Tươi	360
71	Kênh Công Nghiệp	Cầu Nguyễn Thanh Đạm	Cầu Kênh Lô 2	360
72	Kênh Lô 2 (phía Đông)	Hết đất ông Lê Minh Nửa	Cầu Kênh Lô 2	480
73	Kênh Lô 1 (phía Đông)	Cầu Kênh Lô 1	Hết đất Ông Phan Văn Sang	480
74	Đường số 25 (lộ kênh Năm Nhung)	Cách đường Nguyễn Việt Khái (nối dài) 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	480
75	Đường số 25 (lộ kênh Năm Nhung)	Cách đường Nguyễn Việt Khái (nối dài) 30m	Cách đường Phan Ngọc Hiển 30m	480
76	Khu trung tâm xã cũ	Cửa Gò Công	Trạm Y tế	430
77	Khu trung tâm xã cũ	Cầu UBND xã cũ	Cầu Rạch Lạc Nhỏ phía trên bờ	430
78	Khu trung tâm xã cũ	Giáp Khu tái định cư	Ban quản lý Rừng Phòng hộ Sào Lưới	250
79	Khu dân cư Gò Công (Khu Cù Lao)			250
80	Khu tái định cư Gò Công			280
81	Tuyến Rạch Cái Đôi Nhỏ (2 bên)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Kinh Cờ Trắng	550
82	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Cầu Rạch Lạc Nhỏ	Cầu Cái Đôi Nhỏ	250
83	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Cầu Cái Đôi Nhỏ (Hướng Đông)	Đường vào cổng huyện đội	400
84	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Đường vào cổng Huyện đội	Cầu Kiểm Lâm	580

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
85	Xóm Gò Công cũ	Cầu Trắng	Hết lộ hiện hữu	260
86	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiển	Rạch Cái Đôi Nhỏ	470
87	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiển	Rạch Cái Đôi Nhỏ	470
88	Khu hành chính xã mới	Khu hành chính thuộc ấp 2 (các đoạn còn lại)		470
89	Kênh Tập Đoàn	Đầu kênh Tập Đoàn	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lùng	250
90	Kênh 6 Hậu	Đầu cầu Kênh 6 Hậu	Giáp Kênh 50	250
91	Tuyến lộ xã	Đầu cầu UBND xã	Hết ranh đất ông Võ Văn Phuôi	550
92	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái cũ	Phan Ngọc Hiển (Vào 30m)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	430
93	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái cũ	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Cầu Kênh Huyện ủy	420
94	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái cũ	Cầu Kênh huyện ủy cũ	Tuyến lộ về trung tâm xã (Cũ)	500
95	Tuyến lộ trong khu tái định cư			250
96	Tuyến Kênh Rạch Dơi	Đầu cầu Rạch Dơi	Cầu lộ cấp VI	310
97	Tuyến đường 26/3	Phan Ngọc Hiển	Dương Thị Cẩm Vân	470
98	Lý Tự Trọng	Tuyến đường 26/3	Đường 30/04	470
99	Lý Tự Trọng	Tuyến đường 26/3	Đường 30/04	470
100	Dương Thị Cẩm Vân	Kinh Năm Nhung	Đường 26/03	470
101	Tuyến đường 30/04	Đường Phan Ngọc Hiển	Đường Dương Thị Cẩm Vân	470
102	Tuyến đường 3/2	Đường Phan Ngọc Hiển	Đường Dương Thị Cẩm Vân	470
103	Tuyến đường 2/9	Đường Phan Ngọc Hiển	Đường Dương Thị Cẩm Vân	470

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
104	Đường Hải thượng lãg ông	Đầu nối đường Phan Ngọc Hiễn	hết đất ông Nguyễn Minh Sỹ	720
105	Đường Phan Ngọc Hiễn	Từ Cầu dự án	Kênh coi 5	480
106	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			300
107	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			350
108	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ >3m			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200